

<p>- Phát minh của Dân-lớp được đăng ký chính thức vào năm nào?</p> <p>- Em hãy nêu nội dung chính của đoạn văn?</p> <p>*HD cách trình bày và viết từ khó- HD cá nhân</p> <p>- Đoạn viết gồm mấy câu?</p> <p>- Y/c HS nêu các từ khó, dễ lẫn khi viết chính tả.</p> <p>- Y/c HS đọc, viết các từ vừa tìm được.</p> <p>* Viết bài</p> <p>- GV đọc cho hs viết bài</p> <p>- GV đọc lại cho hs soát bài</p> <p>* Chấm chữa bài:</p> <p>- GV thu 4 vở chấm.</p> <p>- GV nêu và ghi những lỗi trong bài chấm</p> <p>- GV sửa và gọi 1 số HS đọc lại.</p> <p>? Những em nào sai 2 lỗi? 3 lỗi?...</p> <p>- GV trả vở - NX chung.</p> <p>b. Luyện tập</p> <p>*Bài 2a: Cá nhân:</p> <p>a. Gọi 1 HS đọc y/c.</p> <p>- Yêu cầu hs tự làm bài.</p> <p>- Gọi hs nhận xét.</p> <p>- GV NX kết luận lời giải đúng.</p> <p>- Gọi hs đọc lại khổ thơ.</p> <p>*Bài 3a:</p> <p>- Gọi hs đọc yêu cầu.</p> <p>Cho hs QS tranh minh họa và giảng: Bức tranh minh họa cảnh anh nhân viên soát vé đang nói chuyện với 1 nhà</p>	<p>hơi căng lên thay cho gỗ và nẹp sắt.</p> <p>- Phát minh của ông được đăng ký vào năm 1980.</p> <p>- Đoạn văn nói về Dân- lớp , người đã phát minh ra chiếc lốp xe đạp bằng cao su.</p> <p>- Gồm 5 câu.</p> <p>- Dân- lớp, nẹp sắt, rất xóc, suýt ngã, sấm.</p> <p>- HS viết BC.</p> <p>- H/s nghe – viết</p> <p>- HS soát lỗi bằng bút chì.</p> <p>- HS đổi chéo vở soát lỗi chính tả.</p> <p>- HS nêu cách sửa lỗi.</p> <p>- HS đọc những từ đã sửa.</p> <p>- HS báo cáo.</p> <p>10'</p> <p>5'</p> <p>- 1 hs đọc yêu cầu SGK và XĐYC.</p> <p>- Lớp làm VBT- 1 em làm vào bảng phụ</p> <p>- Đọc bài, xét, bổ sung.</p> <p style="padding-left: 40px;">Chuyên trong vòm lá Chim có gì vui Mà nghe ríu rít Như trẻ reo cười?</p> <p>- HS đọc khổ thơ.</p> <p>5'</p> <p>- HS đọc và XĐYC.</p> <p>- HS QS và lắng nghe.</p>
---	--

<p>bác học. Nhà bác học vừa nói chuyện với anh vừa cố gắng tìm 1 vật gì đó trong túi áo. Câu chuyện như thế nào, các em hãy cùng đọc và tìm các từ có âm tr/ch điền vào chỗ trống để hoàn thành câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu hs tự làm bài. - Gọi hs nhận xét. - GV NX. <p>- Chuyện đáng cười thế nào?</p> <p>4. Cũng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> -NX giờ học. -Yêu cầu hs viết sai 3 lỗi chính tả trở lên phải viết lại bài. Ghi nhớ câu chuyện cười và kể cho người thân nghe. 	1'	<ul style="list-style-type: none"> -1 HS làm trên bảng phụ. Dưới lớp làm VBT. - NX- Lời giải đúng : đăng trí – chẳng thấy – xuất trình. - Chuyện đáng cười ở chỗ nhà bác học đăng trí tới mức phải đi tìm vé đến toát mồ hôi nhưng không phải trình cho người soát vé mà để nhớ xem mình định xuống ga nào. - HS nghe.
--	----	--

THỨ SÁU

Tiết 1: Toán

BÀI 100: PHÂN SỐ BẰNG NHAU

I. MỤC TIÊU

- Bước đầu nhận biết được tính chất cơ bản của phân số, phân số bằng nhau.

II. ĐỒ DÙNG

- GV: Hai băng giấy như bài học SGK.
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức	1'	
2. Kiểm tra bài cũ	3'	
- GV gọi 2 HS lên bảng , yêu cầu các		- 2 HS lên bảng thực hiện yêu cầu ,

<p>và $\frac{6}{8}$ là hai phân số bằng nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vậy làm thế nào để từ phân số $\frac{3}{4}$ ta có được phân số $\frac{6}{8}$? - Như vậy để từ phân số $\frac{3}{4}$ có được phân số $\frac{6}{8}$, ta đã nhân cả tử số và mẫu số phân số $\frac{3}{4}$ với mấy ? - Khi nhân cả tử và mẫu của một phân số với một số tự nhiên khác 0, chúng ta được gì ? - Hãy tìm cách để từ phân số $\frac{6}{8}$ ta có được phân số $\frac{3}{4}$? - Như vậy để từ phân số $\frac{6}{8}$ có được phân số $\frac{3}{4}$, ta đã chia cả tử và mẫu số của phân số $\frac{6}{8}$ cho mấy ? - Khi chia hết cả tử và mẫu số của một phân số cho một số tự nhiên khác 0 chúng ta được gì ? - GV yêu cầu HS mở SGK đọc kết luận về tính chất cơ bản của phân số. *. Luyện tập Bài 1 (112) - GV yêu cầu HS tự làm bài. - GV yêu cầu HS đọc 2 phân số bằng nhau trong từng ý của bài tập. - GV nhận xét khen HS. 	<p>20'</p>	<p>kiến:</p> $\frac{3}{4} = \frac{3 \times 2}{4 \times 2} = \frac{6}{8}$ <ul style="list-style-type: none"> - Để từ phân số $\frac{3}{4}$ có được phân số $\frac{6}{8}$, ta đã nhân cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{3}{4}$ với 2. - Khi nhân cả tử và mẫu số của một phân số với một số tự nhiên khác 0 ta được một phân số bằng phân số đã cho. - Hs thảo luận, sau đó phát biểu ý kiến: $\frac{6}{8} = \frac{6:2}{8:2} = \frac{3}{4}$ - Để từ phân số $\frac{6}{8}$ có được phân số $\frac{3}{4}$, ta đã chia cả tử và mẫu của phân số $\frac{6}{8}$ cho 2. - Khi chia hết cả tử và mẫu số của một phân số với một số tự nhiên khác 0 ta được một phân số bằng phân số đã cho. - 2 HS đọc trước lớp . - HS cả lớp làm bài vào vở bài tập - 2 HS nêu trước lớp. Ví dụ : $\frac{2}{5} = \frac{2 \times 3}{5 \times 3} = \frac{6}{15}$. Vậy ta có hai phân năm bằng sáu phần mười năm. $\frac{4}{7} = \frac{4 \times 2}{7 \times 2} = \frac{8}{14}$; $\frac{3}{8} = \frac{3 \times 4}{8 \times 4} = \frac{12}{32}$
--	------------	--

<p>*Bài 2 HD về nhà</p> <p>- GV yêu cầu HS tự tính giá trị của các biểu thức.</p> <p>- GV: Hãy so sánh giá trị của $18 : 3$ và $(18 \times 4) : (3 \times 4)$?</p> <p>- Vậy khi ta thực hiện nhân cả số bị chia và số chia của một phép chia với cùng một số tự nhiên khác 0 thì thương có thay đổi không ?</p> <p>- GV: Hãy so sánh giá trị của $81 : 9$ và $(81 : 3) : (9 : 3)$?</p> <p>- Vậy khi ta chia hết cả số bị chia và số chia của một phép chia cho cùng một số tự nhiên khác 0 thì thương có thay đổi không ?</p> <p>- GV gọi HS đọc lại nhận xét của SGK.</p> <p>*Bài 3 (HD về nhà)</p> <p>- GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.</p> <p>- GV viết phần a lên bảng :</p> $\frac{50}{75} = \frac{10}{15}$ <p>- GV hỏi : Làm thế nào để từ 50 ta có được 10 ?</p> <p>- Vậy điền mấy vào $\frac{10}{\quad}$?</p> <p>- GV viết lên bảng và giảng lại cho</p>	$\frac{6}{15} = \frac{6:3}{15:3} = \frac{2}{5} ; \quad \frac{15}{35} = \frac{15:5}{35:5} = \frac{3}{7}$ $\frac{48}{16} = \frac{48:8}{16:8} = \frac{6}{2}$ <p>b) $\frac{2}{3} = \frac{4}{6} ; \frac{18}{60} = \frac{3}{10} ; \frac{56}{32} = \frac{7}{4} ; \frac{3}{4} = \frac{12}{16}$</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p>a) $18 : 3 = 6$ $(18 \times 4) : (3 \times 4) = 72 : 12 = 6$</p> <p>b) $81 : 9 = 9$ $(81 : 3) : (9 : 3) = 27 : 3 = 9$</p> <p>- $18 : 3 = (18 \times 4) : (3 \times 4)$</p> <p>- Khi ta thực hiện nhân cả hai số bị chia và số chia của một phép chia với cùng một số tự nhiên khác 0 thì thương không thay đổi.</p> <p>- $81 : 9 = (81 : 3) : (9 : 3)$</p> <p>- Khi ta thực hiện chia hết cả số bị chia và số chia của một phép chia với cùng một số tự nhiên khác 0 thì thương không thay đổi.</p> <p>- 2 HS lần lượt đọc trước lớp.</p> <p>- Viết số thích hợp vào ô trống.</p> <p>- Để từ 50 có được 10 ta thực hiện $50 : 5 = 10$.</p> <p>- Điền 15 vì $75 : 5 = 15$</p> <p>- HS có thể viết vào vở :</p> $\frac{50:5}{75:5} = \frac{10}{15}$ <p>- Làm bài vào vở bài tập.</p> <p>a) $\frac{50}{75} = \frac{10}{15} = \frac{2}{3}$</p>
--	---

<p>HS cách tìm ra phân số $\frac{10}{5}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS tự làm tiếp bài, sau đó đọc bài trước lớp. - GV nhận xét và khen HS. <p>4. Củng cố, dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu lại tính chất cơ bản của phân số. - GV tổng kết giờ học, dặn dò HS ghi nhớ tính chất cơ bản của phân số, làm các bài tập hướng dẫn luyện thêm và chuẩn bị bài sau. 	<p>b) $\frac{3}{5} = \frac{6}{10} = \frac{9}{15} = \frac{12}{20}$</p> <p>1'</p> <p>- 2 HS nêu trước lớp, cả lớp theo dõi và nhận xét.</p>
--	--

Tiết 2: Kể chuyện

BÀI 20: KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC

I. MỤC TIÊU

- Dựa vào gợi ý trong SGK chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn chuyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có tài.
- Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đã kể.

II. ĐỒ DÙNG:

- GV: Bảng phụ ghi sẵn các tiêu chí.
- HS: Đồ dùng học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức:	1'	- Lớp hát đầu giờ.
2. Kiểm tra bài cũ:	3'	- 2 em nối tiếp nhau kể
- Gọi HS kể chuyện " Bác đánh cá và gã hung thần"		- Ghi đầu bài.
- Nhận xét khen		
3. Bài mới :	35'	
a. Giới thiệu bài.	1'	
- Nhắc lại yêu cầu của đầu bài.		
b. Nội dung bài	34'	
* Hướng dẫn kể chuyện:		
+ Tìm hiểu đề bài:	10'	
- Gọi HS đọc đề		- 2 em đọc đề bài.

<p>- Đề bài yêu cầu gì? - Gạch chân các từ: đã nghe đã đọc, về người có tài. - Gọi HS đọc phần gợi ý - Những người như thế nào được mọi người công nhận là có tài.</p> <p>- Em đọc câu chuyện của mình ở đâu?</p> <p>- Yêu cầu HS giới thiệu về nhân vật mình kể với những tài năng đặc biệt của họ cho các bạn cũng biết. * . Kể chuyện trong nhóm: - Chia lớp thành nhóm 4 - Gọi cho H theo các câu hỏi: - H kể hỏi :</p> <p>- HS nghe hỏi:</p> <p>*. Thi kể và trao đổi về ý nghĩa câu chuyện. - Tổ chức cho H kể.</p> <p>4. Củng cố – dặn dò : - Về nhà tập kể lại cho người thân nghe - Học bài và chuẩn bị bài sau - Nhận xét tiết học</p>	<p>10'</p> <p>14'</p> <p>1'</p>	<p>- Kể các câu chuyện đã nghe đã đọc về người có tài.</p> <p>- 3 H nối tiếp nhau đọc phần gợi ý. - Những người có tài có sức khỏe, trí tuệ hơn những người bình thường và mang tài năng của mình phục vụ đất nước. Ví dụ người có tài: Lê Quý Đôn, Cao Bá Quát, Nguyễn Thuý Hiền. Lê huỳnh Đức...</p> <p>- Em đọc trong báo, trong chuyện kể các danh nhân, các kỉ lục ghi- nét thế giới, xem ti vi...</p> <p>- HS tự giới thiệu nhân vật và những tài năng của nhân vật mình định kể.</p> <p>- Các nhóm cùng kể chuyện, nhận xét đánh giá theo tiêu chí đã nêu, sau đó khen từng bạn. - Bạn thích chi tiết nào trong chuyện? Vì sao? - Chi tiết nào trong chuyện làm cho bạn khâm phục? - Qua câu chuyện, bạn học được điều gì ở nhân vật tôi kể? - Bạn sẽ làm gì nếu có tài như nhân vật bạn kể? - Qua câu chuyện, bạn muốn nói với mọi người điều gì? - Mỗi tổ cử 1 bạn thi kể với các tổ khác. - Nhận xét , lắng nghe bạn hỏi và có thể hỏi bạn những câu hỏi như trên.</p>
---	---------------------------------	--

Tiết 3: Thử dục **Đ/C: Triệu dạy**

Tiết 4: Tập làm văn

BÀI 40: LUYỆN TẬP GIỚI THIỆU ĐỊA PHƯƠNG

Giáo dục kỹ năng sống

I. MỤC TIÊU:

- Nắm được cách giới thiệu về địa phương qua bài văn mẫu (BT1).
- Bước đầu biết quan sát cả trình bày được một số nét đổi mới ở nơi hs đang sống (BT2).

II. ĐỒ DÙNG

- GV: Suu tầm 1 số tranh ảnh về hoạt động xây dựng dooi mới của địa phương
+ Bảng phụ ghi sẵn dàn ý
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức	1'	- Hát
2. KTBC:	3'	
3. Bài mới:	35'	
a. Giới thiệu bài: Trực tiếp	1'	
b. Nội dung bài		
Bài 1: Đọc bài văn (SGK) và trả lời câu hỏi	10'	- 2 em đọc - lớp đọc thầm
a. Bài văn giới thiệu những đổi mới ở địa phương nào?		- Ở xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạch, tỉnh Bình Định là 1 xã miền núi có nhiều khó khăn nhất. Đói nghèo đeo đẳng quanh năm.
b. Kể những nét đổi mới nói trên		- Người dân trước đây chỉ quen phát dẫy làm nương, nay đây mai đó, giờ đã biết trồng lúa nước 2 năm / vụ, năng xuất khá cao. Bà con không thiếu ăn, còn có lương thực để chăn nuôi + Nghề nuôi cá phát triển , nhiều ao hồ có sản lượng hàng năm 2 tấn rưỡi/ héc ta. Ước muôn của người vùng cao trở cá về miền xuôi bán đã thành hiệ thực.

<p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- YC HS đọc đề- GV HD tìm hiểu đề bài- Em chọn giới thiệu nét đổi mới nào ở địa phương mình?- Mỗi bài giới thiệu cần có những phần nào?- Mỗi phần cần đảm bảo những nội dung gì? <p>- GV treo bảng phụ ghi sẵn dàn ý</p> <p>- Cho HS giới thiệu trong nhóm</p> <p>4. Củng cố- dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none">- Về nhà viết lại bài văn vào vở- Chuẩn bị tiết sau trả bài- Nhận xét giờ học	<p>24'</p> <p>1'</p>	<p>+ đời sống của người dân được cải thiện 10 hộ thì có 9 hộ có điện dùng, có 8 hộ có phương tiện nghe nhìn, 3 hộ có xe máy, số HS đến trường tăng gấp rưỡi năm 1999- 2000</p> <p>- 2 em đọc - lớp đọc thầm</p> <p>- HS nối tiếp nhau giới thiệu</p> <p>+ Tôi muốn giới thiệu về phong trào giữ gìn làng xóm sạch đẹp\</p> <p>- Mở bài, thân bài, kết bài</p> <p>- Mở bài: Giới thiệu về địa phương mình định giới thiệu</p> <p>- Thân bài: Nêu nét đổi mới ở địa phương mình</p> <p>- Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc đổi mới và cảm nghĩ của bản thân</p> <p>- HS trình bày trước lớp</p> <p>- HS khác nhận xét</p>
---	----------------------	---

Tiết 5: Sinh hoạt

NHẬN XÉT LỚP TUẦN 20

I. Nhận xét các mặt hoạt động trong tuần.

1. Đạo đức:

+ Đa số HS trong lớp ngoan ngoãn lễ phép với thầy cô giáo. Không có hiện tượng gây mất đoàn kết. đoàn kết với bạn

2. Học tập:

- + Đi học đầy đủ, đúng giờ không có HS nào nghỉ học hoặc đi học muộn.
- Đầu giờ truy bài chưa nghiêm túc
- Về nhà học bài và làm bài tập tương đối đầy đủ, xong vẫn còn 1 số em bài làm còn Chưa đủ như em:...
- + , Sách vở đồ dùng còn mang chưa đầy đủ còn quên sách vở, vở viết của một số

HS còn thiếu nhân vở.

+, Trong lớp còn mất trật tự nói chuyện rì rầm, còn 1 số H làm việc riêng không chú ý nghe giảng như em:...

+, Một số H sinh học tập ý thức tốt như em:...

+, Viết bài còn chậm, sai lỗi chính tả, trình bày vở viết còn xấu như em:...

3. Công tác khác

- Vệ sinh đầu giờ: H tham gia chưa đầy đủ. Vệ sinh nhanh nhẹn hơn. Vệ sinh lớp học tương đối sạch sẽ đồ dùng xếp đặt tương đối gọn gàng.

+, Ăn mặc đồng phục chưa đúng qui định còn 1 số H mặc áo phông không cổ cộc tay đến lớp học - y/c ăn mặc đúng đồng phục.

- Đội viên chưa đeo khăn quàng đầy đủ

- Các khoản thu nộp chậm

4, Phương Hướng:

- Đạo đức: Giáo dục H theo 5 điều Bác Hồ dạy- Nói lời hay làm việc tốt nhất được của rơi trả lại người mất hoặc lớp trực tuần, không ăn quà vặt

- Học tập: Đi học đầy đủ đúng giờ, học bài làm bài mang đầy đủ sách vở. Học bài làm bài ở nhà

- Những em chưa đạt thực hiện đi rèn 2 môn toán và Tiếng việt

- Những em đọc yếu, viết xấu cần luyện đọc và viết nhiều

- Mặc đủ ấm về mùa đông

2. Hoạt động tập thể.

TRÒ CHƠI KÉO CO

I. MỤC TIÊU

- HS biết chơi trò chơi Kéo co và vận dụng trò chơi Kéo co trong giờ nghỉ, trong các hoạt động tập thể.

- HS biết yêu thích các trò chơi dân gian.

II. QUI MÔ HOẠT ĐỘNG

- Tổ chức theo quy mô lớp.

III. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

- Tuyển tập các trò chơi dân gian, các sách báo, mạng Internet về trò chơi dân gian.

- Các dụng cụ phục vụ trò chơi.

IV. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

*Bước 1: Chuẩn bị

- Trước 1 -2 ngày, GV phổ biến cho HS chuẩn bị dây thừng to, chắc chắn và một dây vải màu đỏ để chơi trò chơi Kéo co.

*Bước 2: Tiến hành chơi

- GV hướng dẫn cách chơi:

+ Số người được chia làm 2 đội, mỗi đội phải dùng sức mạnh để kéo dây về phía mình.

+ Để tạo sức mạnh kéo, hai bên nắm chặt lấy dây, chân choãi để tạo thế đứng vững.

+ Nghe quản trò phát lệnh, hai bên ra sức kéo, sao cho đội bên kia ngã về phía mình là thắng.

+ Các bạn đứng bên ngoài cổ vũ hai bên bằng tiếng hô “Cố lên!”.

- Quản trò tiến hành chia đội (nên chia đều lực lượng người khỏe, người yếu cho cân đối).

Quy định số lượt kéo co của một lần thi. Đội nào thắng sẽ được khen.

- Các đội còn lại đứng theo hàng dọc của sân để cổ vũ cho hai đội chơi.

Bước 3: Nhận xét - Đánh giá

- Quản trò công bố số điểm các đội đã ghi được.

- GV hoan nghênh cả lớp đã nhiệt tình hưởng ứng trò chơi vui và rèn luyện sức khỏe tốt. Khuyến khích HS tăng cường chơi trò chơi dân gian có ích này để tạo không khí vui vẻ, thoải mái sau những giờ học hay những buổi sinh hoạt tập thể.

- Tuyên bố kết thúc buổi sinh hoạt.

TUẦN 21

THỨ HAI

Tiết 1: Chào cờ

Tiết 2: Hát nhạc

Tiết 3: Tập đọc

GV Chuyên dạy

ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRẦN ĐẠI NGHĨA

Nội dung giáo dục kỹ năng sống

I. MỤC TIÊU:

- Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phù hợp với nội dung tự hào, ca ngợi.

- Hiểu nội dung bài: Ca ngợi anh hùng lao động lao động Trần Đại Nghĩa đã có những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng và xây dựng nền khoa học trẻ của đất nước

II. CÁC KĨ NĂNG SỐNG CƠ BẢN ĐƯỢC GIÁO DỤC TRONG BÀI

- Tự nhận thức, xác định giá trị cá nhân

III. PHƯƠNG PHÁP/KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Kĩ thuật - tích hợp

- Trình bày ý kiến cá nhân

- Trình bày 1 phút

- Thảo luận nhóm

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:

- GV: tranh minh họa, bảng phụ.

- HS: đồ dùng học tập.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức - Cho hát , nhắc nhở HS	1'	- Hát
2. Kiểm tra bài cũ: Gọi HS đọc bài : Trống đồng Đông Sơn ' + trả lời câu hỏi GV nhận xét – khen HS	3'	- 2 em thực hiện Ghi đầu bài.
3. Bài mới:	35'	
a. Giới thiệu bài – Ghi bảng. - Cho HS quan sát tranh SGK	1'	
b. Nội dung bài	12'	
*. Luyện đọc : GV nêu cách đọc, gọi 1HS khá đọc - Bài chia làm 4 đoạn: - HS đọc nối tiếp 2 lần - kết hợp sửa lỗi phát âm cho HS		-Lớp theo dõi - HS đọc nối tiếp mỗi em 1 đoạn- lớp theo dõi đọc thầm Đoạn 1: từ đầu đến chế tạo vũ khí. Đoạn 2: tiếp đến lô cốt của giặc. Đoạn 3: tiếp đến kĩ thuật nhà nước. Đoạn 4: còn lại.
- Đọc chú giải - Luyện đọc theo cặp - GV Đọc mẫu. *. Tìm hiểu nội dung : - HS đọc đoạn 1 - Nêu tiểu sử của anh hùng Trần Đại Nghĩa ?	12'	- 2 em đọc - Đọc theo cặp - HS nghe - Đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu hỏi. - Trần Đại Nghĩa tên thật là Phạm Quang Lễ, quê ở Vĩnh Long, ông học

<ul style="list-style-type: none">- Chốt rút ý chính.- Gọi H đọc đoạn 2,3.- Trần Đại Nghĩa theo Bác Hồ về nước khi nào?- Vì sao ông lại có thể rời bỏ cuộc sống đầy đủ tiện nghi ở nước ngoài để về nước?-“ Nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc” là gì ? - Trần Đại Nghĩa đã đóng góp gì to lớn cho kháng chiến? - Nêu những đóng góp của ông cho sự nghiệp xây dựng đất nước? - Tiểu kết rút ý. - Y/c H đọc thầm đoạn 4 và trả lời câu hỏi.- Nhà nước đánh giá những cống hiến của ông như thế nào? - Nhờ đâu ông có được những cống hiến	<p>trung học ở Sài Gòn, năm 1935 sang Pháp học đại học. Ông theo học đồng thời 3 ngành: kỹ sư cầu cống, kỹ sư điện, kỹ sư hàng không. ngoài ra ông còn miệt mài nghiên cứu kỹ thuật chế tạo vũ khí</p> <ul style="list-style-type: none">- Ý 1: Tiểu sử của Trần Đại Nghĩa.- Trả lời các câu hỏi:- Trần Đại Nghĩa theo Bác Hồ về nước năm 1946.- Ông rời bỏ cuộc sống đầy đủ tiện nghi ở nước ngoài để về nước theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc.- Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc là nghe theo tình cảm yêu nước, trở về xây dựng và bảo vệ đất nước.-Trên cương vị cục trưởng cục quân giới ông đã cùng anh em nghiên cứu chế ra loại vũ khí có sức công phá lớn như súng ba- dô-ca, súng không giật, bom bay tiêu diệt xe tăng và lô cốt của giặc.- Ông có công lớn trong việc xây dựng nền khoa học trẻ tuổi của nước nhà. Nhiều năm liền giữ cương vị chủ tịch uỷ ban khoa học và kỹ thuật nhà nước.- Ý2: Những đóng góp to lớn của giáo sư Trần Đại Nghĩa cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.- 1 em đọc- Năm 1948 ông được phong thiếu tướng, năm 1953 ông được tuyên dương anh hùng lao động, ông còn được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý.- Ông có được những cống hiến
--	---

<p>to lớn như vậy?</p> <p>- Tiểu kết rút ý chính.</p> <p>Nội dung bài nói lên điều gì?</p> <p>*. Luyện đọc diễn cảm.</p> <p>- Luyện đọc diễn cảm đoạn 2.</p> <p>- GV đọc mẫu</p> <p>- GV gạch chân từ cần thể hiện giọng đọc</p> <p>- HS đọc theo cặp</p> <p>- Thi đọc diễn cảm</p> <p>- Nhân xét khen</p> <p>4. Củng cố- dặn dò</p> <p>- Cho HS đọc phần nội dung chính của bài</p> <p>- Về nhà đọc bài và chuẩn bị bài sau</p> <p>- Nhận xét giờ học</p>	<p>10'</p> <p>1'</p>	<p>lớn như vậy là nhờ ông có lòng yêu nước, ham nghiên cứu học hỏi</p> <p>- Ý3: Những cống hiến của ông được nhà nước ghi nhận bằng các giải thưởng cao quý.</p> <p>*Ca ngợi anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa đã có cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng và xây dựng nền khoa học trẻ tuổi của đất nước</p> <p>- HS nghe- tìm từ thể hiện giọng đọc.</p> <p>- HS đọc cặp</p> <p>- Thi đọc diễn cảm đoạn- cả bài</p> <p>- 1 em đọc</p> <p>- Ghi nhớ</p>
--	----------------------	---

Tiết 4: Khoa học

BÀI 41: ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết âm thanh do vật dụng động phát ra.

II. ĐỒ DÙNG:

- GV: Ống bơ, đồ dùng thí nghiệm, đàn ghita
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức:	1'	- Lớp hát đầu giờ.
2. Kiểm tra bài cũ:	3'	- 2 em
- Nêu những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch ?		
3. Bài mới:	30'	
a. Giới thiệu bài – Viết đầu bài.	1'	- Nhắc lại đầu bài.
b. Nội dung bài		
* Hoạt động 1: Tìm hiểu các âm	7'	

<p>thanh xung quanh + Mục tiêu: Nhận biết được những âm thanh xung quanh. - Nêu các âm thanh mà các em biết ? - Trong các âm thanh trên những âm thanh nào do con người gây ra ? Những âm thanh nào thường được nghe vào sáng sớm ? Ban ngày ? Buổi tối ? *Hoạt động 2: Thực hành các cách phát ra âm thanh + Mục tiêu: HS biết và thực hiện được các cách khác nhau để làm cho vật phát ra âm thanh. - Y/c các nhóm thảo luận và báo cáo kết quả. - Làm việc theo cặp.</p>	7'	<ul style="list-style-type: none">- Làm việc cả lớp.- HS nêu.- Cười, nói, khóc, hát- Tiếng gà gáy, tiếng động cơ...- Tiếng nói cười, chim chóc xe cộ- Dế kêu, ếch kêu, côn trùng kêu <ul style="list-style-type: none">- Thảo luận nhóm.- Gõ trống theo hướng dẫn ở trang 83 để thấy được mối quan hệ giữa sự rung động của trống và âm thanh do tiếng trống phát ra.- Khi trống đang rung và đang kêu, nếu ta đặt tay lên mặt trống, trống sẽ không rung và không kêu nữa.- Đặt tay vào yết hầu để phát hiện ra sự rung động của dây thanh quản khi nói.- Khi nói, không khí từ phổi đi lên khí quản qua dây thanh quản làm cho dây thanh rung động. Rung động này tạo ra âm thanh.
<p>- Giải thích hiện tượng. - Kết luận: Âm thanh do các vật xung quanh phát ra. * Hoạt động 3: Tìm hiểu khi nào vật phát ra âm thanh + Mục tiêu: HS nêu được VD hoặc làm thí nghiệm đơn giản chứng minh về sự liên hệ giữa rung động và sự phát ra âm thanh của 1 số vật - GV làm thí nghiệm - Khi rắc gạo lên trống mà không gõ thì mặt trống như thế nào?</p>	8'	<ul style="list-style-type: none">- HS quan sát trao đổi và trả lời câu hỏi- Mặt trống rung lên, các hạt gạo không chuyển động

<p>- Khi gõ mạnh hơn các thì các hạt gạo chuyển động như thế nào? - Khi đặt tay lên mặt trống đang rung thì có hiện tượng gì?</p> <p>* Thí nghiệm 2:</p> <p>- Dùng tay bật dây đàn, sau đó đặt tay lên dây đàn</p> <p>* Hoạt động 4: Trò chơi: Tiếng gì, ở phía nào ? * Mục tiêu : Phát triển thính giác, khả năng phân biệt các âm thanh khác nhau, định hướng nơi phát ra âm thanh. - Tổ chức cho HS chơi</p> <p>4. Cũng cố – Dặn dò: - Nhận xét tiết học. - Về học kỹ bài và CB bài sau.</p>	8'	<p>- Các hạt gạo chuyển động mạnh trống kêu to - Mặt trống không rung mà trống không kêu nữa</p> <p>- HS thực hiện lớp quan sát và nêu hiện tượng - Khi bật dây đàn thấy dây đàn rung và phát ra âm thanh - Khi đặt tay lên dây đàn thì dây đàn không rung nữa và âm thanh cũng mất</p> <p>- Chia nhóm: + Nhóm gây tiếng động. + Nhóm phát hiện tiếng động.</p>
<p>4. Cũng cố – Dặn dò: - Nhận xét tiết học. - Về học kỹ bài và CB bài sau.</p>	1'	

Tiết 5: Toán

BÀI 101: RÚT GỌN PHÂN SỐ

I. MỤC TIÊU

- Bước đầu biết cách rút gọn phân số và nhận biết được phân số tối giản (trường hợp đơn giản).

II. ĐỒ DÙNG

- GV: SGK, giáo án
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ôn định tổ chức	1'	
2. Kiểm tra bài cũ - Gv gọi 2 HS lên bảng, yêu cầu các	3'	- 2 HS lên bảng thực hiện yêu cầu, HS

<p>em nêu kết luận về tích chất cơ bản của phân số.</p> <p>- GV nhận xét khen HS.</p> <p>3. Bài mới</p> <p>a. Giới thiệu bài</p> <p>b. Nội dung bài</p> <p>* Thế nào là rút gọn phân số ?</p> <p>- GV nêu vấn đề: cho phân số $\frac{10}{15}$.</p> <p>Hãy tìm phân số bằng phân số $\frac{10}{15}$ nhưng có tử số và mẫu số bé hơn.</p> <p>- GV yêu cầu HS nêu cách tìm phân số bằng $\frac{10}{15}$ vừa tìm được.</p> <p>- GV: Hãy so sánh tử số và mẫu số của hai phân số trên với nhau.</p> <p>- GV nhắc lại: Tử số và mẫu số của phân số $\frac{2}{3}$ đều nhỏ hơn tử số và mẫu số của phân số $\frac{10}{15}$, phân số $\frac{2}{3}$ lại bằng phân số $\frac{10}{15}$. Khi đó ta nói phân số $\frac{10}{15}$ đã được rút gọn thành phân số $\frac{2}{3}$, hay phân số $\frac{2}{3}$ là phân số rút gọn của $\frac{10}{15}$.</p> <p>- GV nêu kết luận: có thể rút gọn phân số để được một phân số có tử số và mẫu số bé đi mà phân số mới vẫn bằng phân số đã cho.</p> <p>* Cách rút gọn phân số. Phân số tối giản</p> <p>- GV viết lên bảng phân số $\frac{6}{8}$ và yêu</p>	<p>35'</p> <p>1'</p> <p>14'</p> <p>7'</p>	<p>dưới lớp theo dõi để nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- Nghe GV giới thiệu bài.</p> <p>- HS thảo luận và tìm cách giải quyết vấn đề</p> $\frac{10}{15} = \frac{10:5}{15:5} = \frac{2}{3}$ <p>- Ta có $\frac{10}{15} = \frac{2}{3}$</p> <p>- Tử số và mẫu số của phân số $\frac{2}{3}$ nhỏ hơn tử và mẫu số của phân số $\frac{10}{15}$.</p> <p>- HS nghe giảng và nêu:</p> <p>+ Phân số $\frac{10}{15}$ được rút gọn thành phân số $\frac{2}{3}$.</p> <p>+ Phân số $\frac{2}{3}$ là phân số rút gọn của phân số $\frac{10}{15}$.</p> <p>- HS nhắc lại kết luận.</p> <p>- HS thực hiện :</p>
--	---	---

<p>cầu HS tìm phân số bằng phân số $\frac{6}{8}$ nhưng có tử số và mẫu số đều nhỏ hơn.</p> <p>- GV: Khi tìm phân số bằng phân số $\frac{6}{8}$ nhưng có tử và mẫu số đều nhỏ hơn chính là em đã rút gọn phân số $\frac{6}{8}$. Rút gọn phân số $\frac{6}{8}$ ta được phân số nào ?</p> <p>- Hãy nêu cách em làm để rút gọn từ phân số $\frac{6}{8}$ được phân số $\frac{3}{4}$?</p> <p>- Phân số $\frac{3}{4}$ còn có thể rút gọn được nữa không ? Vì sao ?</p> <p>- GV kết luận: Phân số $\frac{3}{4}$ không thể rút gọn được nữa. Ta nói rằng phân số $\frac{3}{4}$ là phân số tối giản. Phân số $\frac{6}{8}$ được rút gọn thành phân số tối giản $\frac{3}{4}$.</p> <p>*. Ví dụ 2.</p> <p>- GV yêu cầu HS rút gọn phân số $\frac{18}{54}$.</p> <p>GV có thể đặt câu hỏi gợi ý để HS rút gọn được :</p> <p>+ Tìm một số tự nhiên mà 18 và 54 đều chia hết cho số đó ?</p> <p>+ Thực hiện chia cả tử và mẫu số của phân số $\frac{18}{54}$ cho số tự nhiên mà em vừa tìm được.</p> <p>+ Kiểm tra phân số vừa rút gọn được, nếu là phân số tối giản thì dừng lại, nếu chưa là phân số tối</p>	$\frac{6}{8} = \frac{6:2}{8:2} = \frac{3}{4}$ <p>- Ta được phân số $\frac{3}{4}$.</p> <p>- HS nêu: Ta thấy cả 6 và 8 đều chia hết được cho 2 nên ta thực hiện phép chia cả tử và mẫu số của phân số $\frac{6}{8}$ cho 2 .</p> <p>- Không thể rút gọn phân số $\frac{3}{4}$ được nữa vì 3 và 4 không cùng chia hết cho một số tự nhiên nào lớn hơn 1.</p> <p>- HS nhắc lại.</p> <p>7'</p> <p>+ HS có thể tìm được các số 2, 9, 18.</p> <p>+ HS thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • $\frac{18}{54} = \frac{18:2}{54:2} = \frac{9}{27}$ • $\frac{18}{54} = \frac{18:9}{54:9} = \frac{2}{6}$ • $\frac{18}{54} = \frac{18:18}{54:18} = \frac{1}{3}$ + Những HS rút gọn
--	--

<p>giản thì rút gọn tiếp.</p> <p>- GV hỏi: Khi rút gọn phân số $\frac{18}{54}$ ta được phân số nào ?</p> <p>- Phân số $\frac{1}{3}$ đã là phân số tối giản chưa? Vì sao ?</p> <p>* Kết luận</p> <p>- GV : Dựa vào cách rút gọn phân số $\frac{6}{8}$ và phân số $\frac{18}{54}$ em hãy nêu các bước thực hiện rút gọn phân số.</p> <p>- Gv yêu cầu HS mở SGK và đọc kết luận của phần bài học. (GV ghi bảng).</p> <p>3. Luyện tập</p> <p>*Bài 1(a)</p> <p>- GV yêu cầu HS tự làm bài. Nhắc các em rút gọn đến khi được phân số tối giản rồi mới dừng lại. Khi rút gọn có thể có một số bước trung gian, không nhất thiết phải giống nhau.</p> <p>*Bài 2 (a)</p> <p>- Gv yêu cầu HS kiểm tra các phân số trong bài, sau đó trả lời câu hỏi.</p> <p>Bài 3: HD về nhà</p> <p>- GV hướng dẫn HS như cách đã hướng dẫn ở bài tập 3, tiết 100 Phân</p>	<p>được phân số $\frac{9}{27}$ và phân số $\frac{2}{6}$ thì rút gọn tiếp. Những HS đã rút gọn đến phân số $\frac{1}{3}$ thì dừng lại.</p> <p>- Ta được phân số $\frac{1}{3}$.</p> <p>- Phân số $\frac{1}{3}$ đã là phân số tối giản vì 1 và 3 không cùng chia hết cho số nào lớn hơn 1.</p> <p>- HS nêu trước lớp :</p> <p>+ Bước 1: Tìm một số tự nhiên lớn hơn 1 sao cho cả tử và mẫu số của phân số đều chia hết cho số đó.</p> <p>+ Bước 2: Chia cả tử và mẫu số của phân số cho số đó.</p> <p>- 1 HS đọc .</p> <p>20' 10' - 2 HS lên bảng làm bài , cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> $\frac{4}{6} = \frac{4:2}{6:2} = \frac{2}{3} ; \frac{15}{25} = \frac{15:5}{25:5} = \frac{3}{5}$ $\frac{12}{8} = \frac{12:4}{8:4} = \frac{3}{2} ; \frac{11}{22} = \frac{11:11}{22:11} = \frac{1}{2}$ $\frac{36}{10} = \frac{36:2}{10:2} = \frac{18}{5} ; \frac{75}{36} = \frac{75:3}{36:3} = \frac{25}{12}$ <p>10' a) Phân số $\frac{1}{3}$ đã là phân số tối giản vì 1 và 3 không cùng chia hết cho số nào lớn hơn 1.</p> <p>HS trả lời tương tự với phân số $\frac{4}{7}, \frac{72}{3}$.</p> <p>- HS làm bài:</p> $\frac{54}{72} = \frac{27}{36} = \frac{9}{12} = \frac{3}{4}$
--	--

số bằng nhau. 4. Cũng cố- dặn dò - GV tổng kết giờ học, dặn dò HS ghi nhớ cách thực hiện rút gọn phân số. làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau.	1'	
--	----	--

THỨ BA

Tiết 1: Toán

BÀI 102: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

- Rút gọn được phân số.
- Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.

II. ĐỒ DÙNG

- GV: SGK, giáo án
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của thầy	Tg	Hoạt động của trò
1. Ổn định tổ chức	1'	
2. Kiểm tra Bài cũ - GV gọi 2 HS lên bảng, yêu cầu các em nêu cách rút gọn phân số và làm các bài tập hướng dẫn luyện thêm của tiết 101. - GV nhận xét khen HS.	3'	- 2 HS lên bảng thực hiện yêu cầu, HS dưới lớp theo dõi để nhận xét bài làm của bạn.
3. Bài mới a. Giới thiệu bài mới b. Nội dung bài Hướng dẫn HS làm bài tập *Bài 1 (114)	35' 1'	- Nghe GV giới thiệu bài.
- GV yêu cầu HS tự làm bài. - Nhắc nhở HS rút gọn đến khi được phân số tối giản mới dừng lại.	12'	- 2 HS lên bảng làm bài , mỗi HS rút gọn 2 phân số, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập. Kết quả :